

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 30696.....
	Giờ..... Ngày 19 tháng 8 năm 13.....

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH
DOANH VẬT TƯ**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 41



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Quốc Khánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2013 và miễn nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Bà Đỗ Thị Ngọc Bình	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013) Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2013) Thành viên (bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2013 và miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2013)
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Ông Trần Công Quốc Bảo	Thành viên
Ông Phạm Quốc Khánh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2013)
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)
Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2013)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Công Quốc Bảo	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2013)
Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2013)
Ông Phùng Đạt Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trung Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Số: *141* /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2013, từ trang 5 đến trang 41. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ các vấn đề được nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho một số khoản phải thu đã quá hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”). Theo ý kiến của chúng tôi, việc chưa trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn này là chưa phù hợp với nguyên tắc thận trọng được quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung và hướng dẫn của Thông tư 228 nêu trên. Nếu Công ty tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu quá hạn này, số dư khoản dự phòng phải thu ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng 107.191.098.967 đồng và lỗ trước thuế cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng một khoản tương ứng.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 14 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Công ty mẹ, đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn, tuy nhiên đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 Công ty mẹ vẫn chưa hoàn tất xong thủ tục này. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày theo giá gốc.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong đoạn trên đây, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Văn Đình Khuê
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1178-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.086.930.486.084	1.288.358.780.267
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.652.997.828	32.431.001.443
1. Tiền	111	5	19.652.997.828	32.431.001.443
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	85.801.923.334	77.414.885.734
1. Đầu tư ngắn hạn	121		89.118.843.526	82.814.261.926
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.316.920.192)	(5.399.376.192)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		731.252.927.238	932.488.222.601
1. Phải thu khách hàng	131	7	596.295.150.360	800.427.166.131
2. Trả trước cho người bán	132		29.055.629.156	26.410.650.709
3. Các khoản phải thu khác	135	8	113.304.498.454	113.094.836.635
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.402.350.732)	(7.444.430.874)
IV. Hàng tồn kho	140	9	227.002.152.868	226.636.454.311
1. Hàng tồn kho	141		227.662.277.178	227.296.578.621
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(660.124.310)	(660.124.310)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.220.484.816	19.388.216.178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.562.542.332	2.442.112.040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.240.629.869	281.486.743
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.248.666.670	4.632.849.514
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	13.168.645.945	12.031.767.881
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		443.695.148.846	447.467.636.403
I. Tài sản cố định	220		321.068.902.441	323.096.441.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	30.342.473.732	33.820.103.262
- Nguyên giá	222		83.607.692.643	84.816.443.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.265.218.911)	(50.996.340.118)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	4.808.138.076	4.967.730.076
- Nguyên giá	228		7.797.616.028	7.797.616.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.989.477.952)	(2.829.885.952)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	285.918.290.633	284.308.608.366
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		109.311.965.983	109.650.025.213
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	10.124.917.464	10.124.917.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	15	96.934.724.564	97.272.783.794
3. Đầu tư dài hạn khác	258	16	12.600.000.000	12.600.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	17	(10.347.676.045)	(10.347.676.045)
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.314.280.422	14.721.169.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	4.571.444.514	5.768.264.468
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	7.578.010.535	7.827.129.565
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.164.825.373	1.125.775.453
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.530.625.634.930	1.735.826.416.670

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.338.531.487.867	1.506.538.490.955
I. Nợ ngắn hạn	310		1.053.614.561.398	1.084.175.519.266
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	584.222.874.430	591.527.409.060
2. Phải trả người bán	312	21	348.481.059.864	366.288.380.094
3. Người mua trả tiền trước	313		21.018.294.052	12.469.240.452
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	6.685.031.150	7.052.316.977
5. Phải trả người lao động	315		3.352.001.049	3.558.158.283
6. Chi phí phải trả	316		18.082.069.721	17.635.362.874
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	68.901.296.365	82.269.203.802
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	24	1.947.790.568	2.305.158.525
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		924.144.199	1.070.289.199
II. Nợ dài hạn	330		284.916.926.469	422.362.971.689
1. Phải trả dài hạn khác	333	25	131.686.566.200	132.186.566.200
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	153.230.360.269	290.172.344.489
3. Dự phòng phải trả dài hạn	336		-	4.061.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		185.535.024.079	220.991.529.830
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	185.535.024.079	220.991.529.830
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.150.690.000	100.150.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916	81.585.637.916
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1.012.784.684)	(1.012.784.684)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.505.530.720	13.505.530.720
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.642.805.753	10.642.805.753
6. (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(19.336.855.626)	16.119.650.125
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	6.559.122.984	8.296.395.885
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.530.625.634.930	1.735.826.416.670

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	30/6/2012	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	385.152.195	385.152.195
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô La Mỹ		21.398
- Euro		4.355

Trần Thị Ngọc Thùy

Trần Thị Ngọc Thùy
 Người lập biểu

Phạm Thanh Tuấn

Phạm Thanh Tuấn
 Kế toán trưởng



Trần Công Quốc Bảo
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		913.987.007.494	1.261.782.806.012
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(4.930.687.384)	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	29	909.056.320.110	1.261.782.806.012
4. Giá vốn hàng bán	11	30	889.714.722.529	1.197.267.362.277
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19.341.597.581	64.515.443.735
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	11.442.757.316	43.515.641.874
7. Chi phí tài chính	22	34	49.674.985.080	79.781.829.128
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>49.108.752.999</i>	<i>80.163.071.453</i>
8. Chi phí bán hàng	24		2.712.692.281	2.155.076.732
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.041.189.239	21.452.529.118
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(35.644.511.703)	4.641.650.631
11. Thu nhập khác	31		993.638.079	1.763.897.075
12. Chi phí khác	32		2.954.750.332	235.024.145
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.961.112.253)	1.528.872.930
14. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	45	15	981.243.298	1.818.730.581
15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(36.624.380.658)	7.989.254.142
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	182.072.586	1.172.882.329
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	19	249.119.030	85.733.387
18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(37.055.572.274)	6.730.638.426
Phân bổ cho:				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	28		(1.737.272.900)	569.740.511
- Lợi ích của cổ đông của Tổng Công ty			(35.318.299.374)	6.160.897.915
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36		(3.562)	621

Tran
 Trần Thị Ngọc Thủy
 Người lập biểu

Phạm Thanh Tuấn
 Phạm Thanh Tuấn
 Kế toán trưởng

Trần Công Quốc Bảo
 Trần Công Quốc Bảo
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 8 năm 2013



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 03-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
		đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	1	(36.624.380.658)	7.989.254.142
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	2	3.558.191.654	4.128.461.543
Các khoản dự phòng	3	(2.124.536.142)	(215.237.738)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(5.235.450.372)	(8.832.792.884)
Chi phí lãi vay	6	49.108.752.999	80.163.071.453
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	8.682.577.481	83.232.756.516
Biến động các khoản phải thu	9	198.749.994.360	62.241.931.125
Biến động hàng tồn kho	10	9.624.821.504	326.730.648
Biến động các khoản phải trả	11	(26.034.731.942)	(29.593.709.452)
Biến động chi phí trả trước	12	2.076.389.662	24.742.706
Tiền lãi vay đã trả	13	(57.956.605.334)	(97.702.280.254)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(400.000.000)	(259.040.770)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.544.203.829	9.949.052.564
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.252.321.901)	(8.330.957.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	134.034.327.659	19.889.225.533
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(35.000.000)	(1.646.163.248)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	(3.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.700.000.000	5.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(197.042.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	5.510.178.551	-
7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	2.759.009.025	2.659.350.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.565.812.424)	2.816.144.945
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	932.591.586.729	1.403.041.709.280
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.076.838.105.579)	(1.442.248.696.362)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(144.246.518.850)	(39.206.987.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(12.778.003.615)	(16.501.616.604)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	32.431.001.443	61.384.905.007
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(23.935.258)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	19.652.997.828	44.859.353.145

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 41 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

2500-0
 NHẬN
 ỨNG T
 NHẬN H
 OIT
 T NA
 TP. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 1.609.682.267 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân biệt động các khoản phải trả.



Trần Thị Ngọc Thủy
Người lập biểu



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (gọi tắt là "Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0301460120 ngày 4 tháng 3 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 7 năm 2008 với mã chứng khoán là CNT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 197 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 222 người).

Hoạt động chính của Công ty mẹ là kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc và phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác; đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm; dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi...

Các công ty con

Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn VINA-PSMC (sau đây gọi tắt là "Công ty VINA-PSMC") là Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 501022000131 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Long An cấp ngày 22 tháng 7 năm 2008 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty VINA-PSMC là thiết kế, sản xuất các sản phẩm bê tông đúc sẵn như bê tông cốt thép dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực hình chữ T, cung cấp, lắp đặt các sản phẩm bê tông đúc sẵn nói trên. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty VINA-PSMC là 70%.

Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T - Ukraine ("Công ty C&T - Ukraine") được thành lập tại Ukraine. Hoạt động chính của Công ty C&T - Ukraine là Sản xuất và kinh doanh bao bì. Tỷ lệ góp vốn cam kết, quyền biểu quyết và tỷ lệ vốn góp thực tế của Công ty mẹ tại Công ty C&T - Ukraine là 100%. Công ty này đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh bao bì C&T-Ukraine, một Công ty con của Công ty được loại trừ khỏi việc hợp nhất báo cáo tài chính vì Công ty này đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục thoái vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty con này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ hoạt động cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư dài hạn và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

30112
CHI
CỔ
CH NH
DEL
VIỆ
! - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá gốc của hàng tồn kho khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 15
Máy móc, thiết bị	2 - 20
Thiết bị văn phòng	6 - 10
Phương tiện vận tải	2 - 10
Tài sản khác	2

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất của Công ty mẹ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất của Công ty VINA-PSMC được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

00-00
HÁNH
G TY
M HƯ
JITT
NAM
.HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty mẹ chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng, chi phí phân bổ nhà xưởng bê tông đúc sẵn Nghi Sơn và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí phân bổ nhà xưởng bê tông đúc sẵn Nghi Sơn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa và chi phí phát hành trái phiếu. Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo cam kết với khách hàng. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 2% trên doanh thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	269.999.560	558.327.803
Tiền gửi ngân hàng	19.382.998.268	31.872.673.640
	<u>19.652.997.828</u>	<u>32.431.001.443</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5.974.364.192	10.969.782.592
Đầu tư ngắn hạn khác	83.144.479.334	71.844.479.334
	89.118.843.526	82.814.261.926
Dự phòng giảm giá Đầu tư ngắn hạn	(3.316.920.192)	(5.399.376.192)
	85.801.923.334	77.414.885.734

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 40.600.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 23.600.000.000 đồng), lãi suất từ 7,5% đến 11%/năm, nhằm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty,

- Các khoản tiền cho các công ty liên doanh, liên kết, cá nhân và các công ty khác vay với số tiền là 42.544.479.334 đồng, thời hạn cho vay là 1 năm. Lãi suất cho vay áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013 là 13,5%/năm, từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 Ban Giám đốc Công ty quyết định không tính lãi vay của các khoản cho vay này.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn với số tiền 2.082.456.000 đồng.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các bên liên quan (thuyết minh số 39)	24.911.276.093	110.295.261.039
Khác	571.383.874.267	690.131.905.092
	596.295.150.360	800.427.166.131

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Bảo Ngọc Tú – tiền hợp tác đầu tư xây dựng chung cư Phú Long	41.109.000.000	41.109.000.000
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	24.694.388.959	19.109.055.738
Phải thu khác	47.501.109.495	52.876.780.897
	113.304.498.454	113.094.836.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

9. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.889.197.491	3.790.119.828
Công cụ, dụng cụ	510.472.484	571.434.799
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	181.421.597.842	183.537.721.981
Thành phẩm	4.276.501.994	1.280.986.916
Hàng hóa	20.036.942.683	24.410.735.217
Hàng hóa bất động sản (**)	12.076.299.000	12.076.299.000
Hàng gửi đi bán	6.451.265.684	1.629.280.880
	<u>227.662.277.178</u>	<u>227.296.578.621</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(660.124.310)	(660.124.310)
	<u>227.002.152.868</u>	<u>226.636.454.311</u>

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thể hiện chi phí đầu tư xây dựng khu đô thị mới tại Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 167.648.639.652 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2012: 164.451.722.005 đồng), chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình mà Công ty đang thực hiện cho khách hàng với số tiền là 3.957.985.907 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2012: 8.118.499.467 đồng) và các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác.

(**) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị các lô đất mà Công ty đã mua tại Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với số tiền lần lượt là 6.094.421.000 đồng và 5.981.878.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty không đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được cho hàng hóa bất động sản do không có đủ thông tin cho các sản phẩm này.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	7.561.209.520	6.986.304.528
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.607.436.425	5.045.463.353
	<u>13.168.645.945</u>	<u>12.031.767.881</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	16.893.387.804	61.489.629.067	4.955.140.380	1.404.786.129	73.500.000	84.816.443.380
Tăng trong kỳ	-	35.000.000	-	-	-	35.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(638.095.238)	-	-	-	(638.095.238)
Phân loại lại	-	(238.715.620)	-	(293.439.879)	(73.500.000)	(605.655.499)
Tại ngày 30/6/2013	16.893.387.804	60.647.818.209	4.955.140.380	1.111.346.250	-	83.607.692.643
KHẤU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	7.623.006.728	38.341.284.496	3.847.541.819	1.111.007.075	73.500.000	50.996.340.118
Khấu hao trong kỳ	713.128.717	2.522.593.174	111.847.617	51.030.146	-	3.398.599.654
Thanh lý, nhượng bán	-	(638.095.238)	-	-	-	(638.095.238)
Phân loại lại	-	(178.590.136)	-	(239.535.487)	(73.500.000)	(491.625.623)
Tại ngày 30/6/2013	8.336.135.445	40.047.192.296	3.959.389.436	922.501.734	-	53.265.218.911
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2013	<u>8.557.252.359</u>	<u>20.600.625.913</u>	<u>995.750.944</u>	<u>188.844.516</u>	<u>-</u>	<u>30.342.473.732</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>9.270.381.076</u>	<u>23.148.344.571</u>	<u>1.107.598.561</u>	<u>293.779.054</u>	<u>-</u>	<u>33.820.103.262</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 và 26, Công ty đã thế chấp một số tài sản với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 lần lượt là 42.955.130.868 đồng và 13.404.834.476 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 42.920.130.868 đồng và 15.020.505.143 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 24.331.049.708 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 19.190.237.434 đồng).

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013 và 30/6/2013	7.667.494.755	130.121.273	7.797.616.028
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	2.699.764.679	130.121.273	2.829.885.952
Khấu hao trong kỳ	159.592.000	-	159.592.000
Tại ngày 30/6/2013	2.859.356.679	130.121.273	2.989.477.952
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	<u>4.808.138.076</u>	<u>-</u>	<u>4.808.138.076</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.967.730.076</u>	<u>-</u>	<u>4.967.730.076</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Như trình bày tại Thuyết minh số 26, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 lần lượt là 6.383.680.000 đồng và 3.843.507.321 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6.383.680.000 đồng và 3.683.915.321 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 130.121.273 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 130.121.273 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 (*)	285.624.615.183	284.014.932.916
Công trình mỏ đá Trà Đuốc – Kiên Giang	293.675.450	293.675.450
	285.918.290.633	284.308.608.366

(*) Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 được hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009. Tổng vốn đầu tư của dự án theo hợp đồng là 1.400 tỷ đồng được góp bởi hai bên theo tỉ lệ 50 – 50. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng với tổng chi phí thực hiện là 285.624.615.183 đồng.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T-Ukraine. Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T-Ukraine do công ty này đã tạm ngừng hoạt động, đang làm thủ tục thoái vốn. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất của Công ty theo giá gốc và lập dự phòng giảm giá cho toàn bộ khoản đầu tư là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty con.

Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng không có các nghĩa vụ nợ tiềm tàng nào phát sinh từ hoạt động của công ty con này. Do đó, dự phòng cho nghĩa vụ nợ tiềm tàng không cần thiết phải trích lập.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	C80 Xóm Chiếu, Phường 14, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Kinh doanh nhà. Dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Mua bán thực phẩm tươi sống. Đại lý ký gửi hàng hoá. Dịch vụ nhà đất, môi giới bất động sản. Mua bán bánh kẹo, thiết bị máy móc, vải sợi.
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	49,42%	49,42%	Kinh doanh sắt - thép, xi măng, nhựa đường, máy móc thiết bị cho các công trình xây dựng cao ốc văn phòng, đường xá, các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, nguyên liệu gỗ, đồ thủ công mỹ nghệ, nông sản và các lĩnh vực dịch vụ khác.
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	41,12%	41,12%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, chất phụ gia bê tông, hàng trang trí nội thất, máy móc thiết bị thi công xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ. Khai thác khoáng sản. Sản xuất vật liệu xây dựng. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây, trạm biến áp. Kinh doanh nhà, mua bán xe máy, thiết bị phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, điện lạnh, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng ô tô, cho thuê kho bãi, dịch vụ khai thuê hải quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	47,75%	47,75%	Khai thác và kinh doanh bến cảng thủy nội địa. Sản xuất và lắp đặt cầu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông tươi, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình trạm biển áp, đường dây. Dịch vụ giao nhận, vận tải hàng, kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải. Dịch vụ bảo trì, ký gửi hàng hoá. Khai thác và kinh doanh khoáng sản.
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Đường số 2, Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	25,76%	25,76%	Sản xuất và kinh doanh bao bì các loại từ giấy, carton, nhựa, gỗ, các mặt hàng dệt may, nhuộm. Mua bán, đại lý ký gởi vật tư hàng hoá ngành sản xuất bao bì, cơ khí. Mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, vật tư ngành cơ khí và chế tạo máy, các sản phẩm bằng sành sứ, thủy tinh, sợi, dệt, may, sản phẩm bằng da.
Công ty Cổ phần XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	30 Đường Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	33,33%	33,33%	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Trang trí nội thất. Mua bán, lắp đặt trang thiết bị công trình xây dựng. Xây dựng công trình điện tới 35 KV. Lắp đặt kết cấu thép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	26.672.918.079	26.684.416.677
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	9.843.597.719	9.794.053.375
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	9.471.924.024	8.688.754.549
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	37.570.553.164	38.410.286.205
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	13.195.765.242	13.116.661.093
Công ty TNHH XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	179.966.336	578.611.895
	96.934.724.564	97.272.783.794

Thông tin tài chính tóm tắt về khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	89.847.042.850	90.361.803.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	7.087.681.714	6.910.980.794
	96.934.724.564	97.272.783.794
	Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012
	VND	VND
Doanh thu thuần	311.681.788.564	629.471.836.067
Lợi nhuận thuần	4.040.047.005	10.464.591.872
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	981.243.299	1.818.730.581

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty bê tông xây dựng Thăng Long	10.200.000.000	10.200.000.000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2.400.000.000	2.400.000.000
	12.600.000.000	12.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

17. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Bao bì C&T-Ukraine (10.124.917.464 đồng) do công ty này đã ngừng hoạt động và đang thực hiện thủ tục thoái vốn. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá các khoản đầu tư dài hạn khác và không có khoản đầu tư nào giảm giá ngoại trừ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Thăng Long (222.758.581 đồng).

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí phát hành trái phiếu	274.999.996	412.499.998
Chi phí sửa chữa văn phòng	17.152.901	95.935.831
Chi phí nhà xưởng Nghi Sơn	4.005.343.843	4.806.412.609
Chi phí trả trước dài hạn khác	273.947.774	453.416.030
	4.571.444.514	5.768.264.468

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Lỗ mang sang VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	2.886.123.817	-	2.886.123.817
(Giảm)/tăng lợi nhuận trong năm	(746.091.423)	5.687.097.171	4.941.005.748
Tại ngày 31/12/2012	2.140.032.394	5.687.097.171	7.827.129.565
Tăng lỗ trong kỳ	(249.119.030)	-	(249.119.030)
Tại ngày 30/6/2013	1.890.913.364	5.687.097.171	7.578.010.535

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 61.808.038.350 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 22.748.388.683 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 5,687,097,171 đồng (năm 2012: 5,687,097,171 đồng) cho khoản lỗ 22.748.388.683 đồng. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ còn lại với số tiền 39,059,649,667 đồng vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế VND
2017	22.748.388.683
2018	39.059.649.667
	61.808.038.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn:	522.975.642.460	587.106.309.060
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	44.858.081.062	49.727.332.771
Ngân Hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	65.032.533.005	94.330.021.638
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	81.167.989.920	119.870.076.056
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	69.972.018.673	69.997.998.813
Ngân Hàng Cổ phần Quân Đội –Chi nhánh Chợ Lớn	106.541.085.041	120.725.879.692
Ngân Hàng Phát Triển Nhà ĐBSCL - Chi nhánh Gia Định	82.804.009.163	82.834.251.901
Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận	46.964.013.209	44.991.748.189
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	-	3.579.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VP Bank Cá nhân	24.780.912.387 855.000.000	- 1.050.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 26)	61.247.231.970	4.421.100.000
	584.222.874.430	591.527.409.060

Vay ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và các tổ chức khác với hạn mức vay là 598 tỷ đồng (31 tháng 12 năm 2012: 813 tỷ đồng) với lãi suất lãi tiền vay một năm từ 11,5% đến 18%. Trong đó:

- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng bằng quyền sử dụng đất tại Hà Tiên theo hợp đồng thế chấp số 1700LCP201100230 ngày 29/03/2011; Cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 với số lượng cổ phiếu 164.735 cổ phiếu với giá trị được định giá 1.828.558.500 đồng theo hợp đồng thế chấp số 1700LCP200902685 ngày 03/09/2009 và phụ lục ngày 1/08/2010; và tín chấp.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 được đảm bảo bằng quyền đòi nợ theo hợp đồng thế chấp số 010. 022.002 ngày 19 tháng 4 năm 2010; Máy móc, thiết bị trị giá theo định giá của ngân hàng 12.950.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 010.022.003 ngày 19 tháng 4 năm 2010.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kì hạn 12 tháng trị giá 10 tỷ đồng và quyền đòi nợ và tài sản thuộc quyền sở hữu cá nhân bao gồm: quyền sử dụng đất trị giá 1.750.000.000 đồng tại 29B, ngõ 58 Đường Trương Định, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, quyền sử dụng đất trị giá 1.200.000.000 đồng tại xã Hiệp An, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (thửa đất 507, tờ bản đồ số 15) và quyền sử dụng đất trị giá 2.650.000.000 đồng tại 1/2/7 Đường D3, phường 25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng việc cầm cố tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng trị giá 2 tỷ đồng theo hợp đồng cầm cố tài sản số 0136/NHNT ngày 12 tháng 5 năm 2010.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn được đảm bảo bằng quyền sử dụng 13.864 m² đất tại Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh Nhà An Phúc và quyền đòi nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định được đảm bảo bằng toàn bộ quyền sử dụng đất đã đền bù, thu hồi của các hộ dân thuộc dự án tổ hợp cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại và chung cư tại phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thế chấp số 0515.08/HDTC ngày 30 tháng 12 năm 2008, hợp đồng số 0632.09/HDTC ngày 16 tháng 2 năm 2009 và hợp đồng số 0591.09/HDTC ngày 21 tháng 7 năm 2009. Giá trị tài sản thế chấp là 266.790.992.000 đồng theo biên bản định giá tài sản ngày 22 tháng 07 năm 2011.
- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền thụ hưởng đối với cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa, Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch; quyền sử dụng 10 lô đất tại Huyện Tân Thành – Bà Rịa Vũng Tàu, 236 quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng và quyền đòi nợ theo các hợp đồng thế chấp đã ký.
- Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng được đảm bảo bằng việc cầm cố sổ tiết kiệm/tiền gửi tại ngân hàng và quyền đòi nợ.
- Khoản vay tín chấp các cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các bên liên quan (thuyết minh số 39)	45.847.679.839	24.170.474.792
Khác	302.633.380.025	342.117.905.302
	348.481.059.864	366.288.380.094

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.405.997.267	4.476.994.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.978.249	71.978.249
Thuế tài nguyên	1.220.816.531	1.094.172.839
Thuế thu nhập cá nhân	549.645.884	499.012.291
Các loại thuế khác	1.436.593.219	910.159.528
	6.685.031.150	7.052.316.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Góp vốn thực hiện hợp đồng - dự án Hà Tiên	8.231.670.240	46.877.783.601
Góp vốn thực hiện hợp đồng - dự án Rạch Giá	45.742.207.757	7.656.561.600
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14.927.418.368	27.734.858.601
	68.901.296.365	82.269.203.802

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành cho các công trình xây dựng:

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.305.158.525	4.669.267.328
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ/năm	239.889.867	631.944.474
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(488.100.097)	(2.578.250.444)
Sử dụng trong kỳ/ năm	(109.157.727)	(417.802.833)
Tại ngày 30 tháng 6/ 31 tháng 12	1.947.790.568	2.305.158.525

25. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Đầu tư Xây Dựng Phát triển Sông Đà (*)	73.283.566.200	73.783.566.200
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 (**)	58.403.000.000	58.403.000.000
	131.686.566.200	132.186.566.200

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Sông Đà để thực hiện Dự án tổ hợp cao ốc C&T Plaza tại Quận 2 tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Dự án này được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 1023/2009/HTĐT ngày 4 tháng 12 năm 2009 như đã trình bày tại Thuyết minh số 13.

(**) Đây là khoản vốn góp bởi Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5 để thực hiện Dự án chung cư Mỹ Phúc tại Quận 8 tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Dự án này được thực hiện bởi Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc, công ty liên kết của Công ty.

01/12
CHI
CỔ
TỊCH NH
DEL
VIỆ
1 - T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang	31.775.791.589	32.475.791.589
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Gia Định	16.600.000.000	16.600.000.000
Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển VN - Chi nhánh Phú Nhuận	98.000.000.000	100.000.000.000
Vay dài hạn khác	28.101.800.650	105.517.652.900
Phát hành trái phiếu	40.000.000.000	40.000.000.000
	214.477.592.239	294.593.444.489
Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả	(61.247.231.970)	(4.421.100.000)
	153.230.360.269	290.172.344.489

Vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện:

- Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Kiên Giang với hạn mức 37.240.640.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 07 tháng 7 năm 2010 đến ngày 24 tháng 9 năm 2016. Khoản vay này dùng để đầu tư mua máy móc thiết bị chuyên dùng để đóng cọc bê tông xây dựng công trình, mua dây chuyền nghiền sàng đá 150T/h khai thác mỏ đá Trà Đước- Kiên Giang và đầu tư xây dựng cho khu đô thị mới tại Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành bằng vốn vay và khu đất dự án lấn biển xây dựng khu đô thị mới Hà Tiên. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng nông nghiệp Kiên Giang cộng 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

- Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng MHB) – Chi nhánh Gia Định với hạn mức 16,6 tỷ đồng. Thời hạn vay từ ngày 05 tháng 10 năm 2011 đến ngày 06 tháng 7 năm 2014. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án nhà xưởng sản xuất cọc ván Bê Tông dự ứng lực - Khu kinh tế Nghi Sơn - Thanh Hóa. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay theo các hợp đồng thế chấp số 0515.08/HĐTC ngày 30 tháng 12 năm 2008, số 0632.09/HĐTC ngày 16 tháng 2 năm 2009, số 0591.09/HĐTC ngày 21 tháng 7 năm 2009, số 0787.11/HĐTC ngày 08 tháng 12 năm 2011 (Các quyền sử dụng đất dự án tổ hợp cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại và chung cư tại phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư). Lãi suất cho vay được áp dụng theo hình thức lãi suất thả nổi.

- Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận với hạn mức 100 tỷ. Thời hạn vay từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 đến ngày 01 tháng 12 năm 2017. Khoản vay này dùng để tái cấu trúc nguồn vốn trung và dài hạn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền thụ hưởng đối với cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phước Hòa, Công ty Cổ phần Bao bì Nhơn Trạch; quyền sử dụng 10 lô đất tại Huyện Tân Thành – Bà Rịa Vũng Tàu, 236 quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; toàn bộ số dư tiền gửi tại ngân hàng và quyền đòi nợ theo các hợp đồng thế chấp đã ký. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kì hạn 12 tháng trả lãi sau cộng với 4%/năm.

- Khoản vay dài hạn khác bao gồm các khoản vay tín chấp từ các tổ chức và các cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 15,6%/năm đến 22,2%/năm và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc khi đáo hạn bởi Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Chợ Lớn, là trái phiếu không chuyển đổi, để sử dụng cho mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, mệnh giá là 1.000.000 đồng/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 2 năm từ tháng 6 năm 2012, lãi suất 18%/năm cố định cho 6 tháng đầu của năm thứ nhất, sau đó tính bằng lãi suất bình quân huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của 5 ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Công Thương Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh Chợ Lớn) vào thời điểm tại ngày tính lãi cộng (+) 4%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	61.247.231.970	4.421.100.000
Trong năm thứ hai	42.517.340.000	143.993.572.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	110.713.020.269	146.178.772.489
	214.477.592.239	294.593.444.489
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh số 19)	(61.247.231.970)	(4.421.100.000)
Số phải trả sau 12 tháng	153.230.360.269	290.172.344.489

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng:	10.015.069	10.015.069
+ Cổ phiếu phổ thông	10.015.069	10.015.069
Số lượng cổ phần mua lại	100.000	100.000
+ Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành	9.915.069	9.915.069
+ Cổ phiếu phổ thông	9.915.069	9.915.069

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị thuần của Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp đủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Tỉ lệ %	Vốn đã góp 30/6/2013 và 31/12/2012
		VND
Tổng Công ty Xây dựng Số 1	34	34.500.000.000
Vietnam Property Holding	25	24.905.550.000
Phạm Quốc Khánh	6	5.613.400.000
Khác	35	35.131.740.000
	100	100.150.690.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	137.028.037	13.404.146.472	10.440.037.257	28.604.321.799	233.309.076.797
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	(10.818.575.480)	(10.818.575.480)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(137.028.037)	-	-	-	(137.028.037)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	101.384.248	202.768.496	(709.689.736)	(405.536.992)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(956.406.458)	(956.406.458)
Tại ngày 31/12/2012	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	-	13.505.530.720	10.642.805.753	16.119.650.125	220.991.529.830
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(35.318.299.374)	(35.318.299.374)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(138.206.377)	(138.206.377)
Tại ngày 30/6/2013	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	-	13.505.530.720	10.642.805.753	(19.336.855.626)	185.535.024.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Công ty VINA – PSMC	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thuần		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn góp của cổ đông	23.047.855.969	23.047.855.969
Quỹ đầu tư và phát triển	1.732.302.828	1.732.302.828
Quỹ dự phòng tài chính	765.909.736	765.909.736
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.705.802.615)	2.085.107.052
	21.840.265.918	27.631.175.585
Lợi ích của cổ đông thiểu số		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn của cổ đông thiểu số	6.921.400.000	6.921.400.000
Quỹ đầu tư và phát triển	519.690.848	519.690.848
Quỹ dự phòng tài chính	229.772.921	229.772.921
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1.111.740.785)	625.532.116
	6.559.122.984	8.296.395.885

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Công ty VINA – PSMC	
	2013 VND	2012 VND
(Lỗ)/Lãi trong kỳ/năm	(5.790.909.667)	202.256.734
(Lỗ)/Lãi của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	(1.737.272.900)	569.740.511

29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	913.987.007.494
Trong đó		
Doanh thu bán hàng hóa	867.498.240.799	1.189.778.292.129
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.392.776.465	5.791.872.348
Doanh thu kinh doanh bất động sản	9.932.730.222	6.301.649.310
Doanh thu hoạt động xây dựng	29.163.260.008	59.910.992.225
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.930.687.384)	-
Giảm giá hàng bán	(334.993.909)	-
Hàng bán bị trả lại	(4.595.693.475)	-
	909.056.320.110	1.261.782.806.012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	849.358.288.806	1.136.552.910.275
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.743.811.875	3.442.578.520
Giá vốn kinh doanh bất động sản	9.121.895.102	5.787.228.960
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	24.490.726.746	51.484.644.522
	889.714.722.529	1.197.267.362.277

31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và xây dựng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là cung cấp dịch vụ ủy thác, vận chuyển, cho thuê thiết bị xây lắp và cho thuê mỏ đá. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (6 tháng đầu năm 2013 là 0,82%, 6 tháng đầu năm 2012 là 0,45%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 29 và số 30 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01 ngày 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.802.929.359	135.415.007.978
Chi phí nhân công	12.324.162.747	20.944.107.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.558.191.654	4.128.461.544
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.328.457.082	37.847.338.284
Chi phí khác	19.580.670.817	40.952.324.952
	80.594.411.659	239.287.239.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.754.207.074	6.103.304.287
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	898.019.815
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.004	165.544.917
Lãi bán hàng trả chậm	7.663.181.068	36.336.034.654
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.311.170	12.738.201
	11.442.757.316	43.515.641.874

34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	49.108.752.999	80.163.071.453
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	12.095.144
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(2.082.456.000)	(545.428.000)
Chi phí tài chính khác	2.648.688.081	152.090.531
	49.674.985.080	79.781.829.128

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(36.624.380.658)	7.989.254.142
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(4.164.655.348)	(4.411.739.283)
Trừ : Lãi đầu tư vào công ty liên kết, cổ tức được chia	(1.647.579.298)	(3.372.808.396)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.105.255.982	5.305.743.903
Thu nhập chịu thuế	(38.331.359.322)	5.510.450.366
Trong đó		
- Thu nhập tính thuế với thuế suất 12,5%	-	1.637.842.100
- Lỗ tính thuế với thuế suất 25%	(39.059.649.667)	-
- Thu nhập tính thuế với thuế suất 25%	728.290.345	3.872.608.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.072.586	1.172.882.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được tính trong năm như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế trong kỳ	(37.055.572.274)	6.730.638.426
Phân bổ cho:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	(1.737.272.900)	569.740.511
- Cổ đông của Tổng công ty	<u>(35.318.299.374)</u>	<u>6.160.897.915</u>
(Lỗ)/lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(35.318.299.374)	6.160.897.915
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi trên cổ phiếu	<u>9.915.069</u>	<u>9.915.069</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(3.562)</u>	<u>621</u>

37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>847.077.011</u>	<u>1.906.208.732</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	583.292.203	2.435.874.911
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>330.011.794</u>	<u>3.532.016.000</u>
	<u>913.303.997</u>	<u>5.967.890.911</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê nhà, thuê văn phòng và thuê đất của Công ty. Các hợp đồng thuê nhà và thuê văn phòng được ký với thời hạn từ một đến năm năm.

Hợp đồng thuê 8.987 m² đất tại huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa với giá thuê 0,9 USD/m²/năm từ Công ty Sản phẩm Bê tông SAKURA có thời hạn là 3 năm tính từ ngày 11 tháng 8 năm 2011.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 26, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lỗ sau thuế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	737.453.234.699	881.699.753.549
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	19.652.997.828	32.431.001.443
Nợ thuần	717.800.236.871	849.268.752.106
Vốn chủ sở hữu	185.535.024.079	220.991.529.830
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,87</u>	<u>3,84</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.652.997.828	32.431.001.443
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.801.923.334	77.414.885.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	702.197.298.082	906.077.571.892
Đầu tư dài hạn	12.377.241.419	12.377.241.419
Tài sản tài chính khác	6.772.261.798	6.171.238.806
Tổng cộng	<u>826.801.722.461</u>	<u>1.034.471.939.294</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	737.453.234.699	881.699.753.549
Phải trả người bán và phải trả khác	547.996.476.891	579.851.344.458
Chi phí phải trả	18.082.069.721	17.635.362.874
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.947.790.568	2.305.158.525
Tổng cộng	<u>1.305.479.571.879</u>	<u>1.481.491.619.406</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	464.869.596	1.116.069.659	-	-
Euro (EUR)	108.578.855	108.525.827	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lỗ/lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
	VND	VND
Đô la Mỹ USD)	46.486.960	111.606.966
Euro (EUR)	10.857.886	10.852.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lỗ trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ tăng/giảm 10.459.512.849 đồng (2012: 11.742.126.181 đồng).

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Nếu giá cổ phiếu đầu tư tăng/giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm 287.344.400 đồng.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.652.997.828	-	19.652.997.828
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.801.923.334	-	85.801.923.334
Phải thu khách hàng và phải thu khác	702.197.298.082	-	702.197.298.082
Đầu tư dài hạn khác	-	12.377.241.419	12.377.241.419
Tài sản tài chính khác	5.607.436.425	1.164.825.373	6.772.261.798
Tổng cộng	813.259.655.669	13.542.066.792	826.801.722.461
30/6/2013			
Các khoản vay	584.222.874.430	153.230.360.269	737.453.234.699
Phải trả người bán và phải trả khác	416.309.910.691	131.686.566.200	547.996.476.891
Chi phí phải trả	18.082.069.721	-	18.082.069.721
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.947.790.568	-	1.947.790.568
Tổng cộng	1.020.562.645.410	284.916.926.469	1.305.479.571.879
Chênh lệch thanh khoản thuần	(207.302.989.741)	(271.374.859.677)	(478.677.849.418)
	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.431.001.443	-	32.431.001.443
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.414.885.734	-	77.414.885.734
Phải thu khách hàng và phải thu khác	906.077.571.892	-	906.077.571.892
Đầu tư dài hạn khác	-	12.377.241.419	12.377.241.419
Tài sản tài chính khác	5.045.463.353	1.125.775.453	6.171.238.806
Tổng cộng	1.020.968.922.422	13.503.016.872	1.034.471.939.294
31/12/2012			
Các khoản vay	591.527.409.060	290.172.344.489	881.699.753.549
Phải trả người bán và phải trả khác	447.664.778.258	132.186.566.200	579.851.344.458
Chi phí phải trả	17.635.362.874	-	17.635.362.874
Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.305.158.525	-	2.305.158.525
Tổng cộng	1.059.132.708.717	422.358.910.689	1.481.491.619.406
Chênh lệch thanh khoản thuần	(38.163.786.295)	(408.855.893.817)	(447.019.680.112)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Phần tài sản được trình bày ở trên chưa bao gồm giá trị hàng hóa tồn kho, đầu tư vào công ty liên kết, do đó Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty luôn có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Tổng Công ty xây dựng số 1		
Doanh thu thực hiện xây lắp	4.802.486.830	104.206.452.307
Mua vật tư	83.694.098.754	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc		
Lãi cho vay nhận được	-	4.147.411.856
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây		
Doanh thu bán vật tư	-	19.350.562.990
Doanh thu khai thác đá	4.936.638.444	4.367.781.807
Mua vật tư	17.601.937.812	62.098.364.371
Lãi bán vật tư trả chậm	340.069.992	645.624.311
Cổ tức được chia	-	322.890.000
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích		
Doanh thu bán vật tư	32.189.193.773	59.883.747.421
Mua vật tư	124.973.375.132	69.888.832.621
Lãi bán vật tư trả chậm	455.612.308	763.921.071
Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa		
Doanh thu bán vật tư	-	43.474.596
Doanh thu cho thuê thiết bị	8.800.000	-
Chi phí giao thầu xây lắp	2.701.493.156	21.809.411.144
Lãi bán vật tư trả chậm	-	310.267.036
Thanh toán nợ vay	-	8.900.000.000
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch		
Doanh thu bán vật tư	1.202.320.750	1.261.750.279
Mua vật tư	1.450.440.000	-
Cổ tức được chia	666.336.000	-
Công ty cổ phần XDDD & CN Phía Nam		
Chi phí giao thầu xây lắp	5.377.879.602	-
Doanh thu bán vật tư	969.867.011	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	639.800.000	933.462.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty xây dựng số 1	4.838.321.180	9.526.407.719
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	7.227.854.097	6.795.662.509
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	12.061.815.629	9.636.113.964
Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa	783.285.187	532.368.199
Trả trước cho người bán		
Công ty cổ phần xây dựng dân dụng và công nghiệp Phía Nam	3.219.403.068	-
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	5.585.667.319	-
Các khoản phải thu khác		
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng và Kinh doanh nhà An Phúc	24.694.388.959	19.109.055.738
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	2.977.511.000	1.291.561.000
Phan Trung Huy - Phó Tổng Giám đốc	-	536.512.500
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty xây dựng số 1	23.478.241.950	-
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	6.937.038.669	16.436.610.976
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	-	716.100.000
Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa	4.046.854.128	823.205.101
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	11.385.545.092	6.194.558.715
Các khoản người mua trả tiền trước		
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	-	8.306.110.218
Các khoản vay		
Tổng Công ty xây dựng số 1	-	5.713.675.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản cho vay		
Công ty CP DT & PTN An Phúc	34.920.000.000	34.920.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	4.543.510.000	3.023.510.000

40. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 29 tháng 8 năm 2013.



Trần Thị Ngọc Thủy
Người lập biểu



Phạm Thanh Tuấn
Kế toán trưởng



Trần Công Quốc Bảo
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 8 năm 2013



-----****-----

-----****-----

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đã được đã được soát xét cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013)

Hôm nay, ngày 29 tháng 8 năm 2013, tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng & Kinh Doanh Vật Tư, Hội Đồng Quản Trị Công ty tổ chức cuộc họp với thành phần tham dự và nội dung như sau:

1. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Ông **Phạm Quốc Khánh** – Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
 - CMND số 013236584, cấp ngày 29/10/2009 tại Hà Nội
2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương** – Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
 - CMND số 023188241, cấp ngày 28/11/2009 tại Tp.HCM
3. Ông **Trần Công Quốc Bảo** – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
 - CMND số 022805180, cấp ngày 06/02/2002 tại Tp.HCM
3. Bà **Nguyễn Thị Minh Thịnh** – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
 - CMND số 011953420, cấp ngày 19/4/2012 tại Hà Nội
4. Ông **Nguyễn Việt Tân** – Thành viên Hội Đồng Quản Trị
 - CMND số 162440144, cấp ngày 14/10/2008 tại Nam Định

2. NỘI DUNG

Sau khi xem xét, đánh giá báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013, 100% các thành viên Hội Đồng Quản trị Công ty đã thống nhất phê duyệt để phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 29 tháng 8 năm 2013. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản Trị,



Phạm Quốc Khánh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 8 năm 2013

Trần Công Quốc Bảo
Ủy viên Hội Đồng Quản Trị

